

Số: 42/NQ-HĐQT

Trà Vinh, ngày 16 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp Hội đồng quản trị Quý IV/2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh ngày 16/10/2019.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê chuẩn các nội dung sau:

1. Tiếp tục thực hiện những công việc còn lại của các Nghị quyết của HĐQT quý III/2019 về trước.

2. Thống nhất với Báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2019, kế hoạch SXKD Quý IV/2019 của Phó Tổng Giám đốc điều hành.

3. Thống nhất báo cáo đề xuất cắt giảm kế hoạch đầu tư phát triển tuyến ống phân phối, đầu tư mua sắm, sửa chữa thuộc Kế hoạch của năm 2019 và phân phát sinh trong năm 2019 (Kèm theo các Phụ lục 1, 2, 3, 4).

4. Thống nhất phê duyệt các Quy chế theo tờ trình số 495/TTr-CTN ngày 14/10/2019 của Phó Tổng giám đốc điều hành. Bao gồm:

- a) Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- b) Quy chế văn thư lưu trữ.

Đối với Quy định tạm thời Về mức giao khoán sản phẩm và chi phí hoạt động cho Chi nhánh Cấp nước Tiểu Cần – Cầu Kè thuộc Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh và Quy định tạm thời Về mức giao khoán cho bộ phận ghi thu tiền nước thuộc Chi nhánh cấp nước Tp Trà Vinh và Châu Thành: Phải soạn thảo lại về bố cục, từ ngữ và quy định rõ ngoài các khoản khoản ra, thì chi nhánh được hưởng những khoản, chế độ nào từ Công ty và chế độ thanh, quyết toán. Riêng Quy định tạm thời Về mức giao khoán sản phẩm và chi phí hoạt động cho Chi nhánh Cấp nước Tiểu Cần - Cầu Kè phải quy định rõ chế độ thanh, quyết toán;



các khoản tham gia BHXH bắt buộc và kinh phí công đoàn của người lao động; Cách trả lương cũng phải theo Quy chế trả lương của Công ty. Cả hai Quy định này sau khi đã hoàn thiện lại, phải gửi cho các Thành viên HĐQT trước khi Tổng Giám đốc ký ban hành. Thời gian thực hiện: 01/10/2019.

5. Thống nhất giao Ban Tổng Giám đốc tiến hành xây dựng lại phương thức giá nước sinh hoạt đang áp dụng theo hướng chỉ còn lại 3 bậc giá lũy tiến. Thời gian thực hiện trong Quý IV/2019, đồng thời đưa vào Kế hoạch của năm 2020 để hoàn thiện và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

6. Đối với các Quy chế còn lại (7 Quy chế kèm theo công văn số 23/HĐQT-TK ngày 17/05/2019 của Chủ tịch HĐQT), thống nhất giao Ban Tổng giám đốc khẩn trương hoàn thiện và trình HĐQT phê duyệt trong Quý IV/2019.

7. Thống nhất phân công bà Đặng Thị Bích Thủy làm đầu mối trong việc công bố thông tin của Công ty, để đảm bảo việc công bố thông tin đúng quy định của pháp luật.

8. Đồng ý chuyển xếp lương cho bà Nguyễn Thanh Ngân hưởng mức lương của chức danh kế toán tổng hợp và các chế độ khác (nếu có). Thời gian: Từ ngày 01/10/2019.

9. Thống nhất tài trợ kinh phí và cử một số Người quản lý và người lao động đi tham quan tại Campuchia cùng với một số cán bộ lão thành của tỉnh Trà Vinh đã giúp Công ty trong quá trình hoạt động. Nguồn chi từ Quỹ phúc lợi của Công ty.

10. Thông qua việc Công ty đăng cai tổ chức họp BCH Chi hội Cấp thoát nước miền Nam kết hợp với giao lưu thể dục thể thao tại Trà Vinh theo phân công của BCH Chi hội. Thống nhất các khoản chi phí phát sinh ngoài phần tài trợ của Chi hội.

11. Thống nhất việc đề xuất 2 nhân sự đề bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Chi nhánh cấp nước Tp Trà Vinh và Châu Thành là Ông Nguyễn Văn Đại và Nguyễn Văn Thắng (theo tờ trình số 497/TTr-CTN ngày 15/10/2019 của Phó Tổng giám đốc điều hành). Giao Ban Tổng Giám đốc thực hiện các bước tiếp theo đúng quy trình bổ nhiệm.

12. Thống nhất giao Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch ngân sách của Công ty năm 2020 để trình HĐQT chậm nhất ngày 15/12/2019.

Xây dựng Kế hoạch SXKD và định hướng phát triển SXKD năm 2020, trong đó chú trọng và cân đối vấn đề đầu tư cho phát triển tuyến ống phân phối tại khu vực Tp Trà Vinh và Châu Thành; tập trung cho công tác xử lý chất lượng nước cung cấp đạt chuẩn theo quy định; Quan tâm, tác động để 02 dự án nhà máy nước mặt sớm hoàn thành và đi vào hoạt động.



Điều 2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận trong Công ty có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban Kiểm soát (để biết);
- UBCK, SGDCK HN;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Công Chiêm





PHỤ LỤC 1: Các tuyến ống phân phối theo Kế hoạch của năm 2019 và phát sinh thêm nghị không thực hiện và đưa ra khỏi quyết của HĐQT (Cắt giảm hoặc chuyển sang kế hoạch 2020)

STT	Công trình	Địa chỉ	Loại ống	Chiều dài (mét)	Giá trị xây lắp tạm tính (đồng)	Hộ dân	Ghi chú
I	Chi nhánh TP Trà Vinh - Châu Thành				21.380.000.000	170	
1	Tuyến ống tái D200	Đường Võ Văn Kiệt (vành đai)	PE D200	6.000	5.280.000.000		Thay đổi thiết kế
2	Tuyến ống PE D63 đường Mậu Thân	Mậu Thân, P9, TP Trà Vinh	PE D63	1.800	450.000.000	50	Cắt giảm do UBND TP thi công
3	Tuyến ống phân phối PE D63	Các tuyến ống trên đường vành đai, từ vòng xoay ngã ba Sóc Ruộng đến Tiểu đoàn 501	PE D63	3.400	850.000.000	120	Chuyển sang KH 2020
4	Tuyến ống HDPE đường Nguyễn Đăng nói dài - Phường 7 và xã Nguyệt Hóa	TP Trà Vinh & huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.	PE D400	4.000	14.800.000.000		Chuyển sang KH 2020
II	CN Cầu Ngang – Duyên Hải - Trà Cú				8.283.000.000	265	
1	Cầu thanh niên đến nhà ông Lào	K1P2, TX Duyên Hải	PE D63	500	125.000.000		
2	Cầu kênh 1 đến sông Long Toàn	K1P1, TX Duyên Hải	PE D63	1.000	250.000.000		
3	Cầu kênh 2 đến sông Long Toàn	K2P1, TX Duyên Hải	PE D63	1.000	250.000.000		Cắt giảm do dân cư ít đầu tư chưa hiệu quả
4	Nhà ông Ánh đến nhà ông Tô Văn Trong	K3P1, TX Duyên Hải	PE D63	200	50.000.000		
5	Quốc lộ 53 đến kênh 5 Là	Khóm Phước Tri, TX Duyên Hải	PE D63	530	132.500.000		
6	Tuyến ống Tỉnh lộ 913	TX Duyên Hải	PE D90 PE D110	2.250 3.100	2.100.000.000	100	Cắt giảm do nước nông thôn thi công
7	Tuyến ống khu Nhiệt điện than, từ cầu số 1 đến Trung tâm Điện Lực	Xã Dân Thành, TX Duyên Hải	PVC D114 PE D63	510 240	229.500.000 60.000.000	60	Cắt giảm do vướng mặt bằng

Công trình	Địa chỉ	Loại ống	Chiều dài (mét)	Giá trị xây lắp tạm tính (đồng)	Hộ dân	Ghi chú
Tuyến ống PE D63 từ đầu Công viên đến cuối hẻm, khóm 4, TT Mỹ Long	TT Mỹ Long, Cầu Ngang	PE D63	800	200.000.000		Cắt giảm do vướng mặt bằng, dân không cho đào
9	Tuyến ống PE D63, PE D90 đường Hương lộ 28, Lưu Nghiệp Anh, Trà Cú	PE D63 PE D90	1.000 1.000	700.000.000		Chuyển sang KH 2020
10	Tuyến ống PE D110 áp Xoài Thum – Lưu Nghiệp Anh, Trà Cú	PE D110	3.400	1.586.000.000		Chuyển sang KH 2020
12	Tuyến ống 02 bên từ Mỹ Phong cặp đường tránh về Nhà máy nước	PE D110	5.200	2.600.000.000	105	Chuyển sang KH 2020
III	Chi nhánh Tiểu Càn – Cầu Kè			1.180.000.000	77	
1	Tuyến ống từ nhà ông Trà Ngon đến giáp ranh ấp Đại sư, xã Tập Ngãi	PVC D90	2.000	800.000.000	49	Chuyển sang KH 2020
2	Tuyến ống từ nhà bà Tốt đến nhà ông Càn	PE D63	570	142.500.000	6	Chuyển sang KH 2020
3	Tuyến ống từ nhà ông Sa Mưome đến nhà bà Sa Dane	PE D63	950	237.500.000	22	Chuyển sang KH 2020
Tổng cộng				30.843.000.000	512	

**PHỤ LỤC 2: Công tác sửa chữa không khả thi trong năm 2019
để nghị không thực hiện và đưa ra khỏi nghị quyết của HĐND
(Cắt giảm hoặc chuyển sang kế hoạch 2020)**



STT	Nội dung sửa chữa	ĐVT	Số lượng	Nguyên nhân hư hỏng	Ghi chú
I Chi nhánh TP Trà Vinh - Châu Thành					
1	Sửa chữa kho Công ty			Giá trị ước tính khoảng 600 triệu	Chuyển sang KH 2020
II CN Cầu Ngang – Duyên Hải - Trà Cú					
II.1 Nhà máy nước Duyên Hải					
1	Mối nối mềm gang D-450 (Nối ống PE)	Bộ	2	Bung mối hàn, bề ống, ...	
2	Mối nối mềm gang D-315 (Nối ống PE)	Bộ	2	"	
3	Mối nối mềm gang D-280 (Nối ống PE)	Bộ	12	"	
4	Mối nối mềm gang D-225 (Nối ống PE)	Bộ	2	"	
5	Mối nối mềm gang D-160 (Nối ống PE)	Bộ	4	"	
6	Mối nối mềm gang D-110 (Nối ống PE)	Bộ	4	"	
7	Mối nối mềm gang D-90 (Nối ống PE)	Bộ	4	"	
8	Van công hai chiều D100	Cái	7	Lắp van xả cận bộ sung (do chưa lắp)	
9	Van công hai chiều D80	Cái	4	"	
10	Van công hai chiều D60	Cái	3	"	
11	Mặt bích gang D114+jont	Cái	7	"	
12	Mặt bích gang D90+jont	Cái	4	"	
13	Mặt bích gang D63+jont	Cái	3	"	
14	Mặt bích PVC D114+jont	Cái	7	"	
15	Mặt bích PVC D90+jont	Cái	4	"	
16	Mặt bích PVC D60+jont	Cái	3	"	
17	Cơ tron PVC-D114	Cái	14	"	
18	Cơ tron PVC-D90	Cái	8	"	
19	Cơ tron PVC-D60	Cái	6	"	
20	Bu lông M 16x80	Bộ	176	"	
21	Bu lông M 14x80	Bộ	24	"	

Cắt giảm



Stt	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Giá trị tạm tính (đồng)	Ghi chú
3	Công nghệ Trạm 3	Bộ	1	71.000.000	71.000.000	Chuyển sang KH 2020
III	Chi nhánh Tiêu Cản – Cầu Kè				1.023.900.000	
	Máy tính để bàn	Bộ	1	9.500.000	9.500.000	Cắt giảm
2	Hệ thống xử lý nước bằng Javen	Bộ	2	500.000.000	1.000.000.000	
3	Kệ để vật tư	Cái	2	7.200.000	14.400.000	Chuyển sang KH 2020
IV	Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ				19.000.000	
1	Máy vi tính	Bộ	2	9.500.000	19.000.000	Cắt giảm
V	Phòng Tổ chức - Hành chính				825.780.000	
1	Máy vi tính	Bộ	1	9.500.000	9.500.000	Cắt giảm
2	Máy vi tính	Bộ	3	9.500.000	28.500.000	Chuyển sang KH 2020
3	Bàn làm việc	Cái	1	8.500.000	8.500.000	Cắt giảm
4	Ghế xoay	Cái	1	5.280.000	5.280.000	
5	Tủ đựng hồ sơ	Cái	1	9.000.000	9.000.000	
6	Bộ bàn tiếp khách	Bộ	1	15.000.000	15.000.000	
7	Xe ô tô phục vụ Ban điều hành	Chiếc	1	750.000.000	750.000.000	Chuyển sang KH 2020
VI	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật				14.400.000	
1	Kệ để tài liệu	Cái	2	7.200.000	14.400.000	Chuyển sang KH 2020
VII	Phòng Kế toán - Tài vụ				14.500.000	
1	Máy vi tính	Bộ	1	9.500.000	9.500.000	Chuyển sang KH 2020
2	Tủ lạnh	Cái	1	5.000.000	5.000.000	
VIII	Chi nhánh QL Thoát nước				1.700.000.000	
1	Máy nén khí chạy bằng máy nổ dầu Diesel (tạo khí thổi xuống cống)	Bộ	1	200.000.000	200.000.000	Chuyển sang KH 2020
2	Xe chở bùn 4 tấn	Xe	1	1.500.000.000	1.500.000.000	Chuyển sang KH 2020
Tổng cộng:					5.784.801.790	

**PHỤ LỤC 3: Đầu tư mua sắm không khả thi trong năm 2019
đề nghị không thực hiện và đưa ra khỏi nghị quyết của HĐQT
(Cắt giảm hoặc chuyển sang kế hoạch 2020)**



STT	Tên máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Giá trị tạm tính (đồng)	Ghi chú
I	Chi nhánh TP Trà Vinh - Châu Thành				1.513.142.000	
1	Tổ vận hành các trạm bơm Mỹ Chánh gắn Camera an ninh giếng số : 2,3,4,8,9,11	Cái	6	1.700.000	10.200.000	Chuyển sang KH 2020
2	Biển tần 55kw Trạm bơm cấp 2	Cái	2	200.000.000	400.000.000	Cắt giảm
3	Thay thế mới 6 Xilog hồ đồng hồ khu vực thành phố Trà Vinh	Cái	6	40.425.000	242.550.000	
4	Thay thế mới máy in ở Văn phòng Xí nghiệp Cấp nước	Cái	1	3.100.000	3.100.000	
5	Van hai chiều gang D300 trạm tăng áp Châu Thành	Cái	1	16.280.000	16.280.000	Chuyển sang KH 2020
6	Van 1 chiều AVK D450	Cái	1	245.500.000	245.500.000	
7	Van 1 chiều AVK D300	Cái	2	97.577.000	195.154.000	
8	Van 1 chiều AVK D250	Cái	1	54.500.000	54.500.000	
9	Van 1 chiều AVK D200	Cái	1	32.858.000	32.858.000	
10	Đồng hồ lưu lượng điện tử D100	Cái	1	75.000.000	75.000.000	
11	Thiết bị cân chỉnh đồng trục	Bộ	1	222.000.000	222.000.000	Cắt giảm
12	Bộ máy khuấy vôi	Bộ	1	16.000.000	16.000.000	Chuyển sang KH 2020
II	CN Cầu Ngang - DH – Trà Cú				674.079.790	
II.1	Nhà máy Cầu Ngang - Mỹ Long				674.079.790	
1	Đồng hồ điện tử bơm cấp II hiệu SIEMENS DN200-PN10	Cái	1	103.079.790	103.079.790	Hiện còn tồn 01 cái trong kho Công ty nên cắt giảm
2	Hệ thống xử lý nước bằng Javen	Bộ	1	500.000.000	500.000.000	Cắt giảm

STT	Nội dung sửa chữa	ĐVT	Số lượng	Nguyên nhân hư hỏng	Ghi chú
22	Chụp van gang	Cái	14	"	
II.2	Nhà máy Cầu Ngang - Mỹ Long				
1	Thời rửa giếng	Cái	3	Sử dụng lâu ngày	Chuyển sang KH 2020
2	Nhà máy nước Cầu Ngang – Mỹ Long			Sử dụng lâu ngày bị xuống cấp	
3	Trạm bơm giếng số 2			Sử dụng lâu ngày bị xuống cấp	
4	Trạm bơm giếng số 3			Sử dụng lâu ngày bị xuống cấp	
5	Đầu nối lại ống PVC D110(mm) trạm bơm giếng số 3	m	500		
6	Cài tạo ống PVC D49(mm) hèm Bru Điện, bên trái	m	500	Bồi hoàn khách hàng 45 hộ	
7	Cài tạo ống PVC D49(mm) hèm Bru Điện, bên phải	m	550	Bồi hoàn khách hàng 55 hộ	
8	Cài tạo ống PVC D49(mm)	m	1.000	Bồi hoàn khách hàng 250 hộ	
9	Cài tạo ống PVC D42(mm)	m	150	Bồi hoàn khách hàng 25 hộ	
10	Cài tạo ống PVC D49(mm)	m	120	Bồi hoàn khách hàng 27 hộ	
11	Cài tạo ống PVC D49(mm)	m	350	Bồi hoàn khách hàng 30 hộ	
II.3	Nhà máy Trà Cú				
1	Quét sơn lại hàng rào	m ²	Thực tế		Chuyển sang KH 2020
2	Dặm vá sơn các phòng.	m ²	Thực tế		
III	Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè				
1	Sơn nhà điều hành, hàng rào, cổng nhà máy nước Tiểu Cần – Cầu Quan	m ²	Thực tế	Sử dụng trên 3 năm bong tróc sơn, rỉ sét...	Chuyển sang KH 2020
2	Lát lại gạch nền nhà làm việc Trạm cấp nước TT Cầu Kè	m ²	Thực tế	Sử dụng trên 15 năm sứt, lún.	
IV	Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ				
1	Thay vỏ xe tải 500 kg	Cái	4	Hao mòn	Chuyển sang KH 2020

**PHỤ LỤC 4: Những công trình, hạng mục không khả thi trong năm 2019
đề nghị không thực hiện và đưa ra khỏi nghị quyết của HĐQT
(Cắt giảm hoặc chuyển sang kế hoạch 2020)**



STT	Tên công trình	Công suất hoặc diện tích	Giá trị tạm tính (đồng)	Ghi chú
I	Chi nhánh TP Trà Vinh - Châu Thành		2.000.000.000	
1	Khoan thêm 01 giếng dự phòng	01 giếng	1.000.000.000	Chuyển sang KH 2020
2	Công nghệ và thiết bị bơm	01 giếng	1.000.000.000	
II	CN Cầu Ngang - Duyên Hải – Trà Cú		175.000.000	
II.1	Nhà máy Trà Cú			
1	Lắp đặt mái che nhà máy nước Trà Cú	35 m ² (7m*5m)	25.000.000	Chuyển sang KH 2020
II.2	Nhà máy nước Duyên Hải			
1	Lợp mái tôn NMN Duyên Hải	240 m ²	150.000.000	Chuyển sang KH 2020
I	Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè		250.000.000	
1	Nhà kho chứa vật tư, máy phát điện ở Cầu Kè	01 nhà kho	250.000.000	Chuyển sang KH 2020
Tổng cộng:			2.425.000.000	